



► ILO – Báo cáo tóm tắt

Tháng 12 năm 2025

Việc làm trong các chuỗi cung ứng và thương mại Việt Nam Xu hướng thị trường lao động giữa bối cảnh thương mại bất định gần đây

Những điểm nổi bật

- Bất ổn thương mại trên toàn cầu ngày càng gia tăng, đòi hỏi Việt Nam cần điều chỉnh các nỗ lực nhằm tăng cường khả năng phục hồi và tính bao trùm của chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời thúc đẩy việc làm thoả đáng và tạo môi trường chuyển đổi công bằng cho người lao động và doanh nghiệp để đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội.
- Tốc độ tăng trưởng việc làm trong các chuỗi cung ứng của Việt Nam từ năm 2008 tới nay đã ổn định. Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á có số lượng việc làm gắn với chuỗi cung ứng lớn nhất năm 2023. Việt Nam chiếm hơn 25% trong tổng số 75 triệu việc làm gắn với các chuỗi cung ứng tại Đông Nam Á. Số việc làm này cũng chiếm hơn 35% tổng số việc làm quốc gia của Việt Nam, cho thấy một mức độ phụ thuộc vừa phải.
- Sản xuất chiếm 49% của tổng số việc làm liên quan gắn với chuỗi cung ứng, trong đó việc làm trong ngành dệt may và sản phẩm dệt may chiếm gần 1/3.
- Các ngành có cường độ lao động cao trong chuỗi cung ứng có xu hướng thuê dùng tỷ lệ lao động nữ và lao động trẻ lớn hơn, có số lượng việc làm công ăn lương cao hơn, nhưng tỷ lệ việc làm có kỹ năng cao vẫn còn thấp.
- Hơn 76% việc làm gắn với chuỗi cung ứng vào năm 2023 phụ thuộc hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp vào nhu cầu từ nước ngoài, như ASEAN, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Hoa Kỳ. Điều này làm nổi bật mức độ tiếp xúc của quốc gia này với những nhu cầu biến động bên ngoài.
- Để bảo đảm các kết quả đầu ra việc làm thoả đáng trong các chuỗi cung ứng, cần có những nỗ lực phối hợp trên nhiều lĩnh vực chính sách, nhằm giảm thiểu những gián đoạn ngắn hạn và định hình vị thế của Việt Nam trong trung hạn và dài hạn. Những nỗ lực này bao gồm: (1) đa dạng hoá thương mại và tăng cường liên kết công nghiệp trong nước, (2) Phát triển kỹ năng toàn diện và theo nhu cầu, (3) Chính sách thị trường lao động có đáp ứng yếu tố giới và hệ thống an sinh xã hội đáp ứng được các cú sốc trong quá trình chuyển đổi công bằng, (4) cải thiện chất lượng việc làm và nâng cao tiêu chuẩn lao động, và (5) đối thoại xã hội có tính bao trùm và các thể chế phối hợp.
- Việc tăng cường khả năng phục hồi của các chuỗi cung ứng và tận dụng các lĩnh vực tăng trưởng mới mang đến cơ hội chiến lược để thúc đẩy hơn nữa quá trình chuyển đổi cơ cấu của Việt Nam, cho phép chuyển dịch sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn và việc làm có kỹ năng cao hơn, qua đó củng cố tiến độ thực hiện chương trình nghị sự về việc làm bền vững.

Giới thiệu

Hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu, dựa trên việc mở rộng các hiệp định thương mại, đã đóng vai trò quan trọng giúp Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và giảm nghèo trong những thập kỷ qua. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế

của Việt Nam đã tác động sâu sắc đến thị trường lao động, thể hiện qua sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.¹ Xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ theo tỷ lệ trong GDP đã tăng từ 53.9% vào năm 2000 lên tới 70.5% vào năm 2007, và đạt 86.5% vào năm 2023, đồng thời tạo ra thêm hàng triệu việc làm cho cả nước.²

* Tài liệu này do Steven Tobin và Felix Weidenkaff xây dựng, và có sử dụng các dữ liệu của Stefan Kühn. Các tác giả chân thành cảm ơn Gulmira Asanbaeva, Ingrid Christensen, Nguyễn Ngọc Duyên, Nguyễn Hồng Hà, Vũ Thị Thu Hằng, Vũ Kim Huế, Phú Huỳnh, Stefan Kühn, Kongchheng Poch, Arianna Rossi và Nguyễn Ngọc Triều, đã đưa ra đóng góp và thông tin đầu vào quý báu cho quá trình xây dựng tài liệu này.

¹ Christian Viegela, Phú Huỳnh, và Kee Beom Kim, *Jobs and Global Supply Chains in South-East Asia* (Geneva: Văn phòng Lao động Quốc tế, 2023)..

² Ngân hàng Thế giới, *Exports of Goods and Services (% of GDP)*, World Bank Data, truy cập ngày 28/7/2025.

Việt Nam đã nổi lên như một cứ điểm sản xuất chiến lược và có khả năng cạnh tranh cao ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Trong những thập kỷ gần đây, Việt Nam đã chủ động triển khai các biện pháp để ký kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA), và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).³ Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu vẫn tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp FDI và sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước là hạn chế.⁴

Nhìn xa hơn, để đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần phát huy những tiến bộ trong giáo dục và đào tạo, và nâng cấp hơn nữa sang các hoạt động có giá trị cao hơn, gắn liền với việc làm có kỹ năng cao hơn.

Để làm được điều này, năm 2025, Việt Nam đã mạnh dạn thực hiện nhiều cải cách thể chế và hành chính, thể hiện qua những nỗ lực gần đây khi Bộ Chính trị (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) thông qua các nghị quyết liên quan đến công nghệ, phát triển khu vực tư nhân trong nước, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, xây dựng pháp luật, giáo dục và đào tạo, sức khỏe.⁵ Việc Quốc hội thông qua Luật Việc làm (sửa đổi) vào tháng 6 năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong nỗ lực quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế, theo đó cần hiện đại hoá thị trường lao động trong các lĩnh vực chính như các biện pháp hỗ trợ tạo việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, phát triển kỹ năng nghề, và bảo hiểm thất nghiệp.

Tuy nhiên, bất ổn thương mại toàn cầu ngày càng tăng lên do các rào cản thuế quan/phi thuế quan ngày càng cao (và thay đổi liên tục)⁶, cùng với thể giới công việc chuyển đổi nhanh chóng và được định hình bởi tiến bộ công nghệ, biến đổi khí hậu, các thách thức về môi trường, và chuyển dịch nhân khẩu học, đòi hỏi Việt Nam điều chỉnh vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này là cần thiết để duy trì tăng trưởng kinh tế toàn diện và mạnh mẽ, đồng thời thúc đẩy tiến bộ xã hội và môi trường bền vững thông qua tạo ra các cơ hội việc làm thoả đáng. Thực tế, bên cạnh việc giải quyết các rủi ro bất lợi, có thể có những cơ hội từ việc tái phân bổ thương mại trong các mối quan hệ và chuỗi cung ứng hiện có. Ví dụ, một nghiên cứu gần đây của IMF đã chỉ ra rằng trong giai đoạn 2018-22, Việt Nam dường như đã được hưởng lợi từ việc tái phân bổ

thương mại, thể hiện sự gia tăng hàm lượng nội địa trong xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong các ngành chiến lược.⁷

Giờ đây, có vẻ như chính những bất ổn thương mại trên toàn cầu trong nửa đầu năm 2025 đã dẫn đến việc đẩy nhanh các đơn đặt hàng thương mại trước khi các biện pháp thuế quan dự kiến được áp dụng và do đó, giá cả các mặt hàng bị ảnh hưởng cũng tăng theo.⁸ Trong sáu tháng đầu năm 2025, GDP của Việt Nam tăng 7.5% so với cùng kỳ trong năm 2024, mức tăng cao nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-25.⁹ Hơn nữa, khi biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, chuỗi cung ứng phải đối mặt với những rủi ro ngày càng tăng từ khả năng gián đoạn cơ sở hạ tầng giao thông và các hệ thống quan trọng khác. Khi tác động từ những bất ổn trong thương mại toàn cầu và thuế quan xuất khẩu từ Việt Nam và các quốc gia khác trở nên khó đoán vào nửa sau của năm 2025, Việt Nam có thể thực hiện các biện pháp chủ động để tận dụng các cơ hội kinh tế và thúc đẩy việc làm thoả đáng.

Báo cáo tóm tắt này đưa ra các phân tích về việc làm tại Việt Nam có gắn với nhu cầu từ nước ngoài thông qua chuỗi cung ứng – dù là trực tiếp hay gián tiếp.¹⁰ Nội dung tài liệu nghiên cứu các mô hình việc làm theo ngành và đặc điểm của nhóm người lao động chủ chốt, bao gồm các đặc điểm như giới, tình trạng việc làm, trình độ kỹ năng, sự tham gia của thanh niên, tính phi chính thức và việc làm khu vực nông thôn. Phân tích này phân tách việc làm có gắn với chuỗi cung ứng tại Việt Nam theo nguồn cầu nước ngoài – cụ thể là từ Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Các phân tích đối chiếu giữa Việt Nam và tám quốc gia Đông Nam Á cũng được đưa ra để giúp lường tượng tốt hơn xu hướng việc làm của Việt Nam trong bối cảnh cụ thể. Tám quốc gia này bao gồm: Bờ-ru-nây, In-đô-nê-xia, Cam-pu-chia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan.

Tài liệu tóm tắt này nhằm mục đích cung cấp những hiểu biết dựa trên bằng chứng để hỗ trợ các bên liên quan tại Việt Nam trong định hình chính sách và chiến lược nhằm tăng cường tính chống chịu và tính bao trùm khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy việc làm thoả đáng trong các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn, và bảo đảm chuyển đổi công bằng cho người lao động và doanh nghiệp tại Việt Nam giữa bối cảnh chuyển đổi kinh tế đang diễn ra và thương mại toàn cầu đang có nhiều bất ổn.

³ ILO, *Labour Provisions in Trade Agreements Hub*, tháng 8/2025.

⁴ Andrea Coppola, Sacha Dray, Matt Wai-Poi, và Deborah Elisabeth Winkler, Viet Nam 2045: *Trading Up in a Changing World – Pathways to a High-Income Future* (Washington, D.C.: World Bank Group, 2024).

⁵ Vui lòng xem thêm Nghị quyết 57-NQ/TW (Tháng 12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW (tháng 5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 59-NQ/TW (tháng 1/2025) về hội nhập quốc tế trong hình mới nhằm tận dụng cơ hội từ các cam kết quốc tế cho phát triển kinh tế, Nghị quyết số 66-NQ/TW (tháng 4/2025) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, Nghị quyết số 71-NQ/TW (tháng 8/2025) về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW (tháng 9/2025) về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

⁶ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), *Global Trade Outlook and Statistics - April 2025* (Geneva: WTO, tháng 4/2025)

⁷ Tatjana Schulze và Weining Xin, *"Demystifying Trade Patterns in a Fragmenting World"* (Tài liệu kỹ thuật của IMF Số 2025/129, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tháng 6/2025).

⁸ Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), *Trade and Development Foresights 2025: Under Pressure: Uncertainty Reshapes Global Economic Prospects* (Geneva: UNCTAD, 2025)

⁹ Cục Thống kê, Bộ Tài chính Việt Nam, <https://www.nso.gov.vn/en/data-and-statistics/2025/07/report-on-socio-economic-situation-in-second-quarter-and-six-months-of-2025/> (Hà Nội, Cục Thống kê, tháng 7/2025).

¹⁰ Các phân tích được trình bày trong tài liệu này nhắc đến việc làm theo nghĩa là bất kỳ việc làm nào có gắn với cầu từ nguồn nước ngoài, bất kể hàng hoá hay dịch vụ được tạo ra có phải là một phần nghĩa vụ hợp đồng với một công ty nước ngoài hay không.

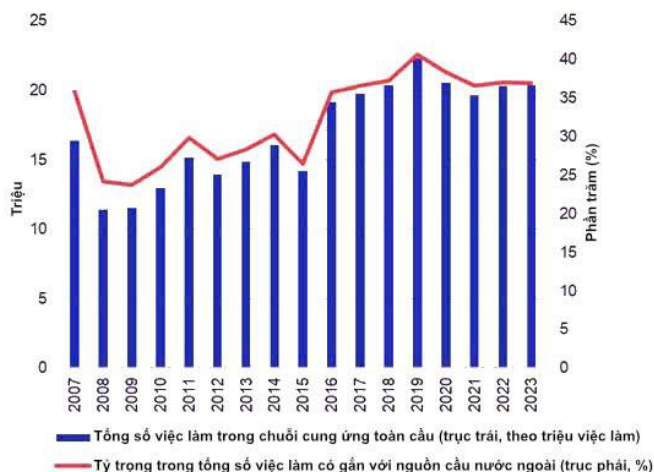
Việc làm trong các chuỗi cung ứng tại Việt Nam

Xu hướng việc làm trong các chuỗi cung ứng toàn cầu

Từ năm 2008, việc làm liên quan tới các chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam đã tăng trưởng với tốc độ ổn định cả về số lượng việc làm tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng việc làm quốc gia (Hình 1). Vào giai đoạn đỉnh điểm năm 2019, việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng toàn cầu chiếm hơn 22 triệu, khoảng 40% tổng số việc làm quốc gia.

Dù đại dịch COVID-19 đã khiến việc làm liên quan tới các chuỗi cung ứng giảm nhẹ, nhưng gần đây đã bắt đầu phục hồi. Tính đến năm 2023, con số này vẫn chưa trở lại mức cao trước đại dịch. Bất chấp sự sụt giảm gần đây, việc làm liên quan tới các chuỗi cung ứng tại Việt Nam đã tăng hơn 3 lần kể từ năm 2000, và tính đến năm 2023, hơn 20 triệu người lao động đang làm việc trong các vị trí việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng, tương đương với hơn 35% tổng số việc làm.

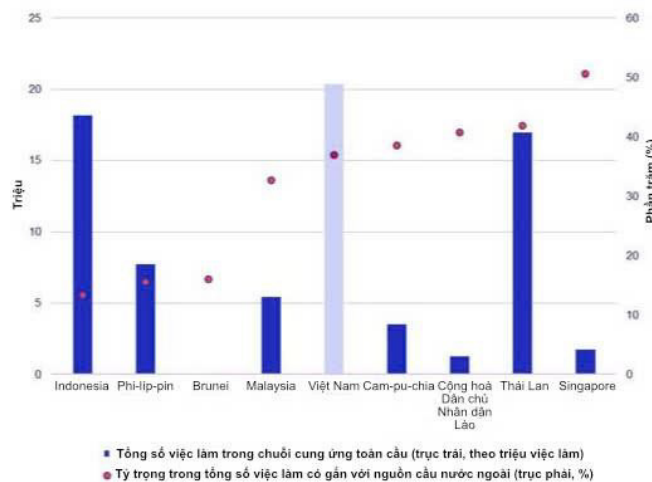
► **Bảng 1. Việc làm liên quan tới các chuỗi cung ứng tại Việt Nam, 2007–2023 (về mức độ và tỷ trọng)**



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên bảng đầu vào–đầu ra đa vùng của ADB và ước tính mô hình của ILO, tháng 11/2024.

So với các quốc gia Đông Nam Á khác, Việt Nam có số lượng người lao động tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu lớn nhất, với Indonesia và Thái Lan xếp hạng ngay tiếp theo (Hình 2). Trên thực tế, Việt Nam chiếm hơn ¼ (27.1%) trong tổng số hơn 75 triệu việc làm liên quan tới các chuỗi cung ứng trong các nền kinh tế Đông Nam Á.

► **Hình 2. Việc làm liên quan đến các chuỗi cung ứng toàn cầu ở một số nền kinh tế ASEAN, 2023 (theo mức độ và tỷ trọng)**



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên bảng đầu vào–đầu ra đa vùng của ADB và ước tính mô hình của ILO, tháng 11/2024.

Về tỷ trọng trong tổng số việc làm, mức độ phụ thuộc vào việc làm liên quan đến các chuỗi cung ứng ở Việt Nam khá vừa phải so với các quốc gia khác trong khu vực - ở mức hơn 35%. Singapore, Thái Lan và Lào đều có tỷ trọng này ở mức trên 40%.

Việc làm trong ngành và các đặc điểm của người lao động trong chuỗi cung ứng toàn cầu

Trong các ngành kinh tế nói chung, ngành sản xuất phụ thuộc lớn nhất vào chuỗi cung ứng toàn cầu với 82% việc làm gắn với cầu từ nguồn nước ngoài. Để so sánh, con số này ở ngành nông nghiệp chỉ ở mức khiêm tốn là 20%, và ở ngành bán buôn – bán lẻ là gần một nửa (Bảng 1). Việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong ngành sản xuất chiếm gần một nửa tổng số việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam, ở mức 48.8%.

► ILO – Báo cáo tóm tắt

Việc làm trong các chuỗi cung ứng và thương mại Việt Nam

► **Bảng 1. Cơ cấu ngành nghề và lao động trong lĩnh vực việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam, 2023**

	Việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng toàn cầu		Đặc điểm người lao động (tỷ lệ trên tổng)						
	Tỷ lệ trên tổng số việc làm	Tỷ lệ trong ngành	Lao động nữ	Lao động trẻ	Nhân viên nội chung	Yếu cầu kỹ năng cao	Phi chính thức	Nông thôn	
Nông nghiệp	6.6	20.0	50.0	9.2	11.7	0.3	98.5	89.3	
Sản xuất	17.9	82.0	55.2	14.6	81.2	5.9	29.9	66.7	
Dệt may và các sản phẩm dệt may	6.2	99.3	74.8	14.9	85.1	3.6	24.3	71.0	
Da, da và giày dép	3.4	98.7	67.7	17.3	94.0	3.2	4.7	63.5	
Thiết bị điện và quang học	2.1	96.9	56.0	25.5	94.4	7.1	3.7	68.1	
Sản xuất (mà chưa được liệt kê ở các danh mục khác) và tái chế	2.0	87.8	37.3	13.2	69.9	4.8	46.3	62.3	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.2	48.9	53.4	11.4	65.3	7.2	56.3	66.9	
Bán buôn-bán lẻ	7.0	49.1	55.4	7.9	27.9	8.1	70.2	54.6	
Khác	5.3	17.0	38.5	8.1	69.4	27.1	57.7	52.3	
Tổng	36.8	n/a	48.3	9.8	47.0	10.9	66.9	68.0	

Dữ liệu chia theo đặc điểm người lao động được hiệu là phần trăm tỷ trọng trên tổng số việc làm, bao gồm cả việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên bảng đầu vào-đầu ra đa vùng của ADB và ước tính mô hình của ILO, tháng 11/2024.

Khi nhìn kỹ vào ngành sản xuất, việc làm trong ngành có xu hướng là việc làm công trả lương chính thức với tỷ lệ lao động nữ chiếm ưu thế, mặc dù trình độ kỹ năng yêu cầu thấp hơn (chỉ có 5.9% số nghề nghiệp trong ngành sản xuất có yêu cầu kỹ năng cao¹¹).

Trong ngành sản xuất, năm phân ngành hàng đầu về việc làm bao gồm: Dệt may và sản phẩm dệt may; Da, da thuộc và giày dép; Thiết bị điện và quang học; Sản xuất (mà chưa được liệt kê ở các danh mục khác) và tái chế; và Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Trong số này, Dệt may và sản phẩm dệt may, Da, da thuộc và giày dép, và Thiết bị điện và quang học phụ thuộc lớn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, với hơn 95% số việc làm trong ngành có gắn với cầu từ nguồn nước ngoài.

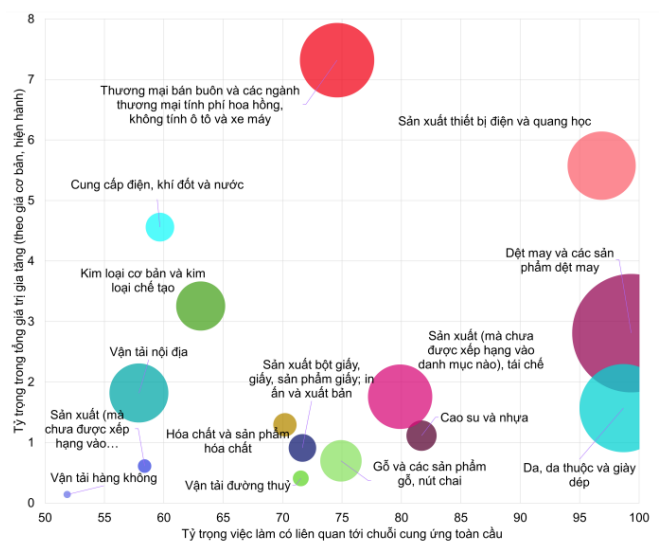
Ngành dệt và sản phẩm dệt Việt Nam là minh chứng rõ ràng cho động lực chuyển đổi nhằm tăng tính chống chịu và thúc đẩy tăng trưởng việc làm hiệu quả. Việc hội nhập ngành may mặc vào chuỗi cung ứng toàn cầu đã góp phần tạo ra hàng triệu việc làm, đặc biệt là cho phụ nữ, với chất lượng việc làm được cải thiện khi mức độ phi chính thức giảm xuống. Với khoảng 3.4 triệu người lao động và gần 75% là lao động nữ vào năm 2023, phần lớn việc làm trong ngành này vẫn đang nằm ở nhóm nghề có kỹ năng trung bình.¹² Tuy nhiên, ngành này cần có những bước tiến để nâng cao năng suất và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng đổi mới công nghệ (bao gồm cả chuyển đổi số) và các thực hành định hướng xanh gắn với việc làm cho chất lượng cao. Cùng với nhiều yếu tố khác, điều này đòi hỏi đảm bảo đào tạo phù hợp với nhu cầu của ngành.¹³

Các ngành có việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng mà có cường độ lao động cao thường có tỷ lệ lao động nữ và lao động trẻ cao hơn các ngành khác. Mặc dù tỷ lệ các công việc chính thức được tạo ra trong những ngành này thường có xu hướng cao hơn, tỷ trọng việc làm kỹ năng cao trong ngành lại thấp hơn mức trung bình quốc gia (10.9%).

Hình 3 dưới đây đưa ra tổng quan về đóng góp của các ngành vào tổng giá trị gia tăng trong nền kinh tế về khía cạnh tỷ lệ và mức độ việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu năm 2023. Trong số những ngành có tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng cao hơn 50%, đáng kể là:

- Dệt may và sản phẩm dệt may; Da, da thuộc và giày dép; Thiết bị điện và quang học; Sản xuất (mà chưa được liệt kê ở các danh mục khác) và tái chế; và Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá; Thương mại bán buôn và các ngành thương mại đều có tính phí hoa hồng có tỷ lệ việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu cao (75% hoặc cao hơn), đóng góp đáng kể vào tổng giá trị gia tăng quốc gia (trên 1% mỗi ngành) và mức độ việc làm cao (trên 1 triệu lao động mỗi ngành);
- Các ngành Kim loại cơ bản và kim loại chế tạo, cũng như Điện, ga, và cấp nước cũng có đặc trưng là có tỷ lệ việc làm liên quan đến các chuỗi cung ứng toàn cầu cao, và đóng góp đáng kể vào tổng giá trị gia tăng, mặc dù mức độ việc làm thấp hơn.

► **Hình 3. Tỷ trọng trong tổng giá trị gia tăng (theo giá cơ bản, hiện hành) và việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng toàn cầu (tỷ trọng và mức độ) theo ngành, Việt Nam, 2023**



Lưu ý: Kích cỡ tương đối của các bong bóng được dựng theo kích cỡ việc làm tương đối của từng ngành trong tổng việc làm liên quan đến các chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam.

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên bảng đầu vào-đầu ra đa vùng của ADB và ILOSTAT.

¹¹ Bậc kỹ năng 3 và 4 theo Tiêu chuẩn quốc tế về phân loại nghề nghiệp (ISCO).

¹² ILO và Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), *Báo cáo nghiên cứu: Kỹ năng Thúc đẩy Thương mại và Đa dạng hóa Kinh tế - Phân tích ngành dệt may tại Việt Nam* (Geneva: ILO, 2025).

¹³ ILO và Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), *Bản tóm tắt: Hướng tới chiến lược kỹ năng cho ngành dệt may tại Việt Nam* (Geneva: ILO, 2025)

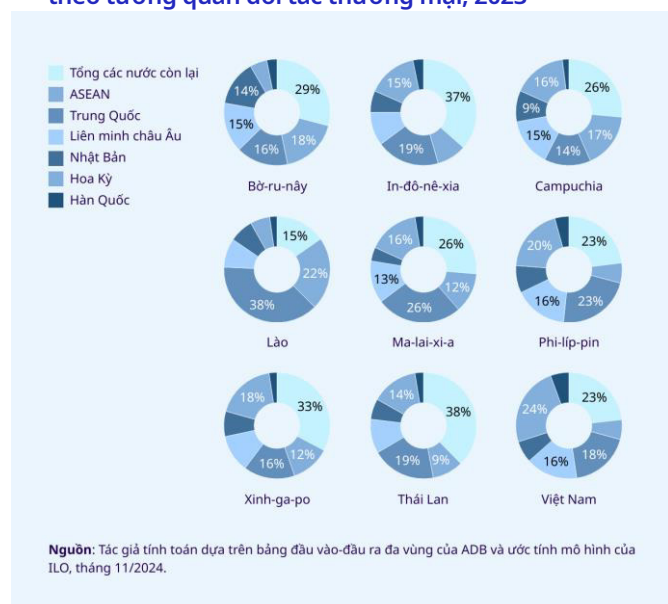
Việc làm trong các chuỗi cung ứng toàn cầu theo tương quan các đối tác thương mại

Cứ mỗi bốn vị trí việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam thì có hơn ba vị trí (76,8%) phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào nhu cầu từ ASEAN, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ (Hình 4). Con số này tương tự với tỷ lệ của Phi-líp-pin (77,0%) và thấp hơn một chút so với Lào - quốc gia có mức độ phụ thuộc tương đối cao hơn vào các đối tác thương mại này (84,7%).

Trong các đối tác thương mại, Hoa Kỳ là đối tác chiếm gần 1 trong mỗi bốn việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam (24,3%), theo sau đó là Trung Quốc (18,4%), và EU (15,8%). Trong các nền kinh tế Đông Nam Á, Việt Nam có mức độ phụ thuộc việc làm cao nhất vào cầu từ Hoa Kỳ, sau đó là Phi-líp-pin (19,5%), In-đô-nê-xi-a (15,2%), Ma-lai-xi-a (15,6%) và Thái Lan (14,2%).

Dù nằm ở vị trí địa lý gần gũi và có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Trung Quốc, tỷ trọng việc làm liên quan tới chuỗi cung ứng phụ thuộc vào Trung Quốc của Việt Nam không quá cao, ở mức 18,4% - gần tương đương với In-đô-nê-xi-a (19,2%) và Thái Lan (19,5%). Con số này ở Lào là 38,3%, Ma-lai-xi-a 26,1% và Phi-líp-pin 22,5%.

► Hình 4. Tỷ trọng việc làm trong chuỗi cung ứng toàn cầu theo tương quan đối tác thương mại, 2023



Trong các nền kinh tế Đông Nam Á, Việt Nam và Phi-líp-pin có tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng thấp nhất (lần lượt là 6,0% và 6,1%) theo cầu nội vùng từ khu vực ASEAN, cho thấy tiềm năng hội nhập vùng mạnh mẽ hơn.

Về mức độ phụ thuộc của ngành vào các đối tác thương mại:

- Gần một phần ba việc làm (32,3%) trong ngành sản xuất có liên quan tới chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam phụ thuộc vào cầu từ Hoa Kỳ (Bảng 2). Tỷ lệ này đặc biệt cao trong ngành Sản xuất mà chưa được phân loại ở các danh mục khác và tái chế (50,4%), và trong ngành Dệt may và sản phẩm dệt may (35,9%). Ngành Da, da thuộc và giày dép cũng phụ thuộc chủ yếu vào cầu từ Hoa Kỳ (31,4%), sau đó là Liên minh Châu Âu (20,7%).
- Việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng trong ngành Thiết bị điện và quang học phụ thuộc chủ yếu vào Hoa Kỳ (24,7%) và Trung Quốc (21,6%).
- Tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng phụ thuộc vào cầu từ Trung Quốc đặc biệt cao trong ngành nông nghiệp (27,4%) và Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (29,7%).
- Tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng trong ngành Bán buôn-bán lẻ phụ thuộc chủ yếu vào cầu từ Liên minh Châu Âu, (26,2%), sau đó là Trung Quốc (17,9%).

► Bảng 2: Tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng tại Việt Nam theo đối tác thương mại và ngành, 2023

	ASEAN	Trung Quốc	Nhật Bản	Liên minh châu Âu	Hàn Quốc	Hoa Kỳ	Tổng các nước còn lại
Nông nghiệp	9.3	27	7	13	5	17	21
Sản xuất	4.7	14	8	13	6	32	21
Dệt may và các sản phẩm dệt may	3.2	9	10	12	9	36	21
Da, da và giày dép	2.6	16	5	21	3	31	21
Thiết bị điện và quang học	4.8	22	4	12	6	25	27
Sản xuất (mà chưa được liệt kê ở các danh mục khác) và tái chế	2.6	8	9	11	3	50	16
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	14.5	30	8	10	6	12	20
Bán buôn-bán lẻ	5.8	18	4	26	5	14	27
Khác	7.0	23	6	15	5	20	27

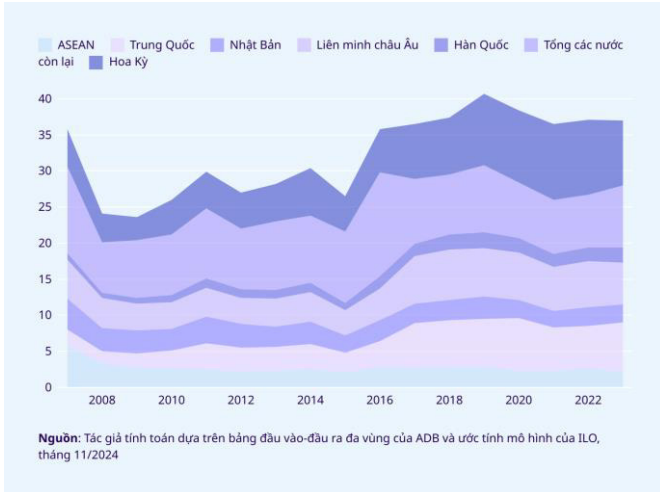
Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên bảng đầu vào-đầu ra đa vùng của ADB và ước tính mô hình của ILO, tháng 11/2024.

Trong những năm qua, tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu có phụ thuộc vào ASEAN khá ổn định ở mức 2% (Hình 5). Tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu có phụ thuộc vào Trung Quốc đã tăng từ 2,2% vào năm 2007 lên tới 6,8% vào năm 2023, vượt tỷ lệ của ASEAN vào năm 2011 và của Nhật Bản vào năm 2013. Trong cùng giai đoạn, tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu phụ thuộc vào cầu từ Hoa Kỳ tăng từ 5,2% vào năm 2007 lên tới 9,0% vào năm 2023.

► ILO – Báo cáo tóm tắt

Việc làm trong các chuỗi cung ứng và thương mại Việt Nam

► Hình 5: Tỷ trọng việc làm liên quan đến chuỗi cung ứng tại Việt Nam theo đối tác thương mại và ngành, 2007-2023



Kết luận và hàm ý chính sách

Khi Việt Nam bắt tay thực hiện những cải cách với khát vọng nhằm đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, các nỗ lực cần được đảm bảo liên tục để duy trì những lợi ích kinh tế từ quá trình hội nhập, đa dạng thương mại và tính chống chịu đã được tăng cường của chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này cũng là nhằm đảm bảo những lợi ích có được sẽ chuyển đổi thành việc làm có năng suất, việc làm thoả đáng và chuyển đổi công bằng.

Để tăng cường khả năng chống chịu và tính bao trùm của chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời vẫn thúc đẩy việc làm thoả đáng và tạo môi trường thuận lợi cho chuyển đổi công bằng cho người lao động và doanh nghiệp tại Việt Nam, cần có những nỗ lực phối hợp trên nhiều lĩnh vực chính sách chiến lược nhằm giảm thiểu những gián đoạn ngắn hạn, tận dụng các cơ hội mới và định hình vị thế của Việt Nam trong các chuỗi cung ứng toàn cầu trong trung hạn và dài hạn:

- **Tăng cường đa dạng hoá thương mại và liên kết công nghiệp:** Việt Nam có thể tăng cường tập trung phát triển các mối quan hệ thương mại và hiệp định hiện có (như CPTPP, EVFTA, RCEP), đồng thời tích cực theo đuổi đa dạng hóa thương mại, trên cả hai mặt là sản xuất sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn và mở rộng hợp tác với các đối tác thương mại mới.¹⁴ Các quan hệ đối tác như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện được ký kết năm 2024 với Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, mặc dù chưa có hiệu lực, cũng cho thấy Việt Nam ngày càng tham gia nhiều hơn vào những khuôn khổ tương tự.

Việc tăng cường hội nhập nội khối và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), là cần thiết. Những nỗ lực này nên được thực hiện hướng tới cải thiện liên kết với các chuỗi cung ứng toàn cầu, giải quyết những thách thức dai dẳng mà các DNNVV gặp phải và tăng cường thu nhận giá trị từ sản xuất trong nước. Dựa trên phân tích toàn cầu của ILO về dòng chảy thương mại xanh và tác động của chúng tới việc làm, Việt Nam có thể mở rộng tham gia vào xuất khẩu và nhập khẩu xanh. Điều này đòi hỏi phải đầu tư có mục tiêu vào năng lực công nghệ cho phép sản xuất và trao đổi hàng hóa bền vững với môi trường, tạo ra các cơ hội việc làm mới và hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh hơn.¹⁵

- **Thúc đẩy phát triển kỹ năng dựa theo nhu cầu và bao trùm:** Đầu tư vào phát triển chất lượng và các kỹ năng sẽ cần phải phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của các chuỗi cung ứng, đồng thời cần hiểu rõ hơn về các yêu cầu kỹ năng chiến lược, đặc biệt là trong các ngành nghề đòi hỏi kỹ năng cao và ứng dụng công nghệ cao. Việc tăng cường giáo dục và đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp (TVET), đào tạo lại và nâng cao kỹ năng, cùng với các hệ thống học tập suốt đời, sẽ là yếu tố thiết yếu để trang bị cho người lao động những năng lực cần thiết cho các công việc chất lượng và nâng cao năng suất hơn nữa.
- **Tăng cường các chính sách thị trường lao động có tính đến yếu tố giới và các hệ thống an sinh xã hội có khả năng ứng phó với các cú sốc trong chuyển đổi công bằng:** Biến đổi khí hậu và thiên tai là những mối đe dọa lớn đối với chuỗi cung ứng bền vững. Việc tăng cường năng lực thể chế để sẵn sàng và duy trì hoạt động kinh doanh là chìa khóa để bảo vệ việc làm, năng suất và khả năng chống chịu. Để làm được như vậy, các hệ thống an sinh xã hội toàn diện và các chính sách thị trường lao động đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tái cấu trúc kinh tế, biến đổi khí hậu hoặc chuyển đổi công nghệ. Các chính sách như chương trình thị trường lao động chủ động (ALMP) nhằm giảm thất nghiệp và thiếu việc làm thông qua các biện pháp can thiệp hội nhập thị trường lao động có mục tiêu, kết hợp với việc sử dụng chiến lược không gian tài khóa hiện có của Việt Nam¹⁶ và cải thiện quản lý đầu tư công, có thể giúp đảm bảo chuyển đổi công bằng và toàn diện. Việc thực thi hiệu quả Luật Việc làm 2025 (Luật số 74/2025/QH15) sẽ là rất cần thiết để có thể tận dụng các biện pháp hỗ trợ làm đòn bẩy tạo việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp nhằm giải quyết những thách thức đang thay đổi của thị trường lao động Việt Nam.

¹⁴ Xem thêm ILO, *Integrating Trade and Decent Work: The Potential of Trade and Investment Policies to Address Labour Market Issues in Supply Chains*, Volume 2, Marva Corley Coulibaly, Franz Christian Ebert, và Pelin Sekerler Richiardi hiệu đính (Geneva: Văn phòng Lao động Quốc tế, 2023).

¹⁵ ILO, *Linking Green Trade and Employment: Are There Opportunities for Job Creation* (Geneva: Tổ chức Lao động Quốc tế, 2025).

¹⁶ Ngân hàng Thế giới, *Taking Stock: Viet Nam Economic Update, March 2025* (Washington, D.C.: World Bank, tháng 3/2025).

- **Cải thiện chất lượng việc làm và nâng cao tiêu chuẩn lao động:** Khi Việt Nam tăng cường tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các hiệp định thương mại tự do hiện có và các hiệp định mới, việc thực thi và thực thi hiệu quả các điều khoản về lao động là rất quan trọng. Điều này bao gồm việc duy trì các tiêu chuẩn lao động cốt lõi, cải thiện điều kiện làm việc và thúc đẩy việc tuân thủ thông qua các cơ chế giám sát và xây dựng năng lực. Các hiệp định thương mại có chứa các điều khoản về lao động, đặc biệt là CPTPP và EVFTA, mang đến cơ hội thúc đẩy và phát triển việc làm thoả đáng tại Việt Nam. Những nỗ lực này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng việc làm trong nước mà còn phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của thị trường quốc tế về việc tuân thủ quyền con người, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam và đảm bảo sự hội nhập có trách nhiệm và bền vững vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.
- **Thúc đẩy đối thoại xã hội toàn diện và phối hợp thể chế:** Trong bối cảnh Việt Nam đang cải cách thể chế và hành chính, cơ chế ba bên và đối thoại xã hội giữa chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động là rất cần thiết để đảm bảo các chính sách phản ánh các quan điểm đa dạng và thúc đẩy công bằng xã hội. Các thể chế cho phép hợp tác cấp quốc gia và cấp ngành - bao gồm cả hợp tác với các chủ thể trong khu vực tư nhân, các cơ sở giáo dục và đào tạo, và các tổ chức xã hội - cần được xây dựng để có thể phối hợp và điều hướng các nỗ lực hướng tới việc làm thoả đáng và phát triển bền vững.

► Phương pháp

Ước tính việc làm liên quan đến thương mại với ASEAN, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và các quốc gia khác dựa trên mô hình đầu vào-đầu ra. Các bảng đầu vào-đầu ra đa quốc gia, đa ngành cho phép ước tính giá trị gia tăng cần thiết trên toàn bộ chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế nhằm đáp ứng một cầu cuối cùng nhất định. Phương pháp này được thực hiện bằng cách nhân ma trận yêu cầu kỹ thuật (còn gọi là ma trận nghịch đảo Leontief) với một vectơ cầu phù hợp¹⁷ (theo Timmer và cộng sự, 2015). Đối với mỗi quốc gia và mỗi ngành, phương pháp này đưa ra tỷ lệ giá trị gia tăng cần thiết để đáp ứng tổng tiêu dùng và đầu tư của khu vực tư nhân và khu vực công. Phân tích trong báo cáo này sử dụng các bảng đầu vào-đầu ra đa khu vực của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho năm 2023, với 35 ngành/danh mục được đưa vào phân tích là:

- Nông nghiệp
- Khai khoáng
- Sản xuất thực phẩm, đồ uống và thuốc lá
- Sản xuất hàng dệt may và sản phẩm dệt may
- Sản xuất da, sản phẩm da và giày dép
- Sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ, nút chai
- Sản xuất bột giấy, giấy, sản phẩm giấy; in ấn và xuất bản
- Sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế và nhiên liệu hạt nhân
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất
- Sản xuất cao su và nhựa
- Sản xuất khoáng sản phi kim loại khác
- Sản xuất kim loại cơ bản và kim loại chế tạo
- Sản xuất máy móc (mà chưa được xếp hạng vào danh mục nào)
- Sản xuất thiết bị điện và quang học
- Sản xuất thiết bị vận tải
- Sản xuất (mà chưa được xếp hạng vào danh mục nào), tái chế
- Cung cấp điện, khí đốt và nước
- Xây dựng
- Bán ô tô và xe máy
- Thương mại bán buôn và các ngành thương mại có tính phí hoa hồng, không tính ô tô và xe máy; sửa chữa đồ dùng gia đình
- Bán lẻ, không tính ô tô và xe máy
- Nhà hàng - khách sạn
- Vận tải nội địa
- Vận tải đường thủy
- Vận tải hàng không
- Hoạt động hỗ trợ và phụ trợ vận tải khác; hoạt động của đại lý du lịch
- Bưu chính viễn thông
- Trung gian tài chính
- Hoạt động bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị và các hoạt động kinh doanh khác
- Quản lý nhà nước và quốc phòng; bảo hiểm xã hội bắt buộc
- Giáo dục
- Y tế và công tác xã hội
- Các dịch vụ cộng đồng, xã hội và cá nhân khác
- Hộ gia đình có người làm công ăn lương

Tham khảo thêm về cơ sở dữ liệu của ADB tại: <https://kidb.adb.org/globalization>.

Tỷ lệ việc làm liên kết thông qua thương mại với ASEAN, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ trong mỗi 35 lĩnh vực/danh mục bên trên được đưa vào cơ sở dữ liệu của ADB được giả định là bằng với tỷ lệ giá trị gia tăng được xác định là liên kết thông qua thương mại. Giả định này ngụ ý rằng các công việc liên quan đến thương mại và các công việc không liên quan đến thương mại trong một lĩnh vực và một quốc gia có năng suất như nhau. Đáng tiếc là hiện nay không có cơ sở dữ liệu nào về chênh lệch năng suất với phạm vi bao phủ phù hợp. Có một số bằng chứng cho thấy các công ty xuất khẩu có năng suất cao hơn, ngụ ý rằng có thể các ước tính việc làm liên quan đến thương mại đang cao hơn thực tế. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng nhiều công ty có thể chỉ cung ứng tại địa phương cho các công ty xuất khẩu lớn hơn, và vì thế, việc ước tính chính xác chênh lệch năng suất trở nên rất khó khăn. Dù tài liệu tóm tắt này tập trung vào xem xét công việc liên quan đến thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, vẫn còn các tác động việc làm trong một số cấp độ chuỗi cung ứng trong nước chưa thể được nắm bắt thông qua cách tiếp cận này. Việc làm theo từng lĩnh vực được lấy từ kho đồng bộ dữ liệu vi mô của ILO, và các giá trị bị thiếu được ước tính bằng phương pháp tương đương được sử dụng cho các ước tính mô hình của ILO.¹⁸ Trong phạm vi các quốc gia Đông Nam Á, các phân tích tìm hiểu các quốc gia/lãnh thổ sau đây: Brunei, Indonesia, Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia, Phi-líp-pin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.

Thông tin liên hệ

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam
Toà nhà Xanh Một Liên Hợp Quốc
304 Kim Mã
Hà Nội, Việt Nam

T: +84 24 38 500 100
E: HANOI@ilo.org
W: www.ilo.org/hanoi

DOI: <https://doi.org/10.54394/XWFI8688>

¹⁷ Theo Marcel P. Timmer và các cộng sự, "An Illustrated User Guide to the World Input-Output Database: The Case of Global Automotive Production", in *Review of International Economics* 25, No. 3 (2015): 575–605.

¹⁸ Theo ILO, *ILO Modelled Estimates: Methodological Overview*, tháng 1/2025.